TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 -2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thái Sơn

Ông Huỳnh Đức Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa, bà L và ông T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên bà L quyết định ly thân với ông T từ cuối năm 2013 cho đến nay, mặc dù đã nhiều lần được hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm bà và ông T không thể hàn gắn được nữa. Do vậy, bà L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành T có 02 con chung là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 20/02/1999 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013. Đối với con chung Nguyễn Thành L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Minh T1, hiện nay đang sống chung với bà L, khi ly hôn bà L có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Thành T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T trình bày thống nhất với lời trình bày của bà L về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, ông T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông và bà L đã ly thân từ 2013 cho đến nay. Do vậy, ông T đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông T và bà L chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 20/02/1999 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013. Đối với con chung Nguyễn Thành L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Minh T1 đang sống chung với bà L, khi ly hôn ông T đồng ý để cho bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2023 cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Riêng con chung Nguyễn Thành L1, sinh ngày 20/2/1999 đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết

- Về án phí: Bà L phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con với ông Nguyễn Thành T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà L được xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Thành T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên trong vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà L và ông T trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại ông bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay bà L có yêu cầu được giải quyết cho được ly hôn với ông T, ý kiến của ông T cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Đối với hôn nhân của ông T và bà L trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông T đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân của ông bà được.

Xét thấy, giữa bà L và ông T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, hiện tại ông bà đã không còn chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà L và ông T lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L để giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà L và ông T trình bày thống nhất với nhau vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 20/02/1999 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013. Khi ly hôn, đối với con chung Nguyễn Thành L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Minh T1, khi ly hôn bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông T đồng ý để cho bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi con. Ý kiến con chung của bà L và ông T là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013 có nguyện vọng tiếp tục sống với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, để cho con chung của ông bà được ổn định về tâm lý, việc học tập và có sự thống nhất của bà L và ông T đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con ông bà, nên giao con chung của ông T và bà L là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013 cho bà L được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà L có quyền yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do bà L không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T trình bày thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; đểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng.

[4] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 -Vĩnh Long về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Thành T có 02 con chung tên là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 20/02/1999 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013.

- Đối với con chung là Nguyễn Thành L1, sinh ngày 20/02/1999 đã thành niên không yêu cầu xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Giao con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/11/2013 cho Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T trình bày thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003 651 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- UBND phường Vườn Lài, TP. HCM;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Huệ